

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2023/DS-ST

Ngày: 25-9-2023

V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Tân

2. Ông Bùi Văn Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện VKSND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2023 về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST- DS ngày 05 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2023/QĐST- DS ngày 15 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần P (O)

Địa chỉ trụ sở: 41 & 45 đường L, phường B, Quận A, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T - Chủ tịch hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP P.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh Đ- Chức danh: Giám đốc T1.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Trung C, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Lô F - G P, P Đ, TP T, Thanh Hóa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn:

Bà Nguyễn Thị H1 - sinh năm: 1985

Ông Bùi Văn L - sinh năm: 1982

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2023 và quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng TMCP P (O) trình bày:

Ngân hàng TMCP P với ông Bùi Văn L bà Nguyễn Thị H1 đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ sau để vay vốn tại OCB chi tiết như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 183/2021/HĐTD-CN ngày 11/05/2021:

+ Số tiền vay: 390.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi triệu đồng);

+ Mục đích vay: Vay tiêu dùng

+ Thời hạn vay: 120 tháng

+ Lãi suất Theo quy định tại HĐTD và KUNN.

+ Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 343 tờ bản đồ số 8 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 647823, sổ vào sổ cấp cấp GCN: CH 00430 do UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 05/10/2015. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Chủ sở hữu ông Bùi Văn L bà Nguyễn Thị H1.

+ Tài sản bảo đảm đã được công chứng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 183/2021/BĐ-CN ngày 11/05/2021 tại Văn phòng C1, TP T đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất UBND huyện Q.

- Trong quá trình vay vốn đến ngày 10/03/2023 ông Bùi Văn L bà Nguyễn Thị H1 bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho OCB theo hợp đồng tín dụng đã ký.

- Số tiền đã trả đến ngày 06/06/2023 là:

+ Tổng số tiền đã thu nợ: 148.762.122

+ Gốc: 68.250.000

+ Lãi trong hạn: 80.001.809

+ Lãi quá hạn: 510.313

- Nợ còn lại tạm tính đến ngày 06/06/2023 là:

+ Tổng số tiền còn nợ: 335.264.092

+ Gốc trong hạn: 312.000.000

+ Gốc quá hạn: 9.750.000

+ Lãi trong hạn: 3.127.693

+ Lãi quá hạn: 10.386.399

Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ đôn đốc nhưng đến nay ông Bùi Văn L bà Nguyễn Thị H1 vẫn không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng.

Đến nay, Ngân hàng TMCP P (O) đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Văn L, bà Nguyễn Thị H1 phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số nợ của các Hợp đồng tín dụng

đã ký tính đến ngày xét xử ngày 25/9/2023 là 349.763.850đ, trong đó: Tiền nợ gốc trong hạn là 299.000.000đ, tiền nợ gốc quá hạn là 22.750.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 25.782.823 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 2.231.027 đồng. Yêu cầu bà H1 và ông L tiếp tục phải trả tiền lãi theo thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử đến khi tất toán khoản nợ. Nếu ông Bùi Văn L bà Nguyễn Thị H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP P được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc kê biên, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 183/2021/BĐ-CN ngày 11/05/2021. Chi tiết tài sản bảo đảm như sau: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 343 tờ bản đồ số 8 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 647823, số vào sổ cấp GCN: CH 00430 do UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 05/10/2015. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Chủ sở hữu ông Bùi Văn L bà Nguyễn Thị H1.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông L và bà H1 đều vắng mặt mà không có lý do. Do đó, không có lời khai của ông L và bà H1 trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 275, Điều 280, Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 323; khoản 1 Điều 351, Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông L và bà H1 phải trả cho Ngân hàng TMCP P tổng số tiền là 349.763.850đ, trong đó: Tiền nợ gốc trong hạn là 299.000.000đ, tiền nợ gốc quá hạn là 22.750.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 25.782.823 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 2.231.027 đồng. Ông L và bà H1 phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh đối với khoản tiền dư nợ gốc kể từ ngày tiếp theo của ngày 25/09/2023 cho đến khi thanh toán hết số dư nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

Nếu ông Bùi Văn L bà Nguyễn Thị H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP P được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc kê biên, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 183/2021/BĐ-CN ngày 11/05/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng TMCP P (OCB) và ông Bùi Văn L, bà Nguyễn Thị H1 đang tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” do ông L và bà H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ bằng biện pháp xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp. Đây là biện pháp thu thập chứng cứ do Tòa án tiến hành nên căn cứ khoản 2 Điều 21 BLTTDS, Điều 27 Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/8/2016, TAND huyện Thạch Thành thông báo cho VKSND huyện Thạch Thành biết để thực hiện chức năng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[3]. Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L và bà H1 vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt ông L, bà H1 và đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Tòa án cũng đã triệu tập họp họp lệ ông L và bà H1 đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS. Tại phiên tòa, ông L và bà H1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[4]. Về hình thức của hợp đồng: Theo hợp đồng tín dụng số 183/2021/HĐTD-CN ngày 11/05/2021 và hợp đồng thế chấp tài sản số 183/2021/BĐ-CN ngày 11/05/2021 mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, việc ký kết hợp đồng giữa ông L bà H1 với Ngân hàng TMCP P được xác lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, đảm bảo điều kiện về chủ thể tham gia giao kết hợp đồng, phần cuối hợp đồng có chữ ký của người vay tiền, người thế chấp tài sản là ông Bùi Văn L, bà Nguyễn Thị H1 chữ ký và đóng dấu của bên phía Ngân hàng. Nội dung của hợp đồng không vi pháp pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đây là hợp đồng hợp pháp.

[5]. Về số tiền nợ và nghĩa vụ trả nợ: Theo hợp đồng tín dụng số 183/2021/HĐTD-CN ngày 11/05/2021 ông Bùi Văn L bà Nguyễn Thị H1 được Ngân hàng TMCP P cho vay số tiền là 390.000.000 đồng. Mục đích vay là để “*Tiêu dùng*” thời hạn vay là 120 tháng, lãi suất trong hạn theo HĐTD và KUNN, lãi suất quán hạn bằng 150% lãi suất

trong hạn. Đến ngày 06/06/2023, ông L và bà H1 mới trả được 68.250.000đ nợ gốc, lãi trong hạn là 80.001.809đ và 510.313đ tiền lãi quá hạn cho Ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng. Ngân hàng yêu cầu cả ông L và bà H1 cùng có trách nhiệm trả nợ là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và các Điều 357, 463, 466, 468 BLDS. Do đó buộc ông H1 và bà L phải trả cho Ngân hàng TMCP P tổng số tiền 349.763.850đ, trong đó: Tiền nợ gốc trong hạn là 299.000.000đ, tiền nợ gốc quá hạn là 22.750.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 25.782.823 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 2.231.027 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử là ngày 25/9/2023.

[6]. Đối với yêu cầu của Ngân hàng đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi, phí phát sinh theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến ngày ông L, bà H1 thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Xét thấy thỏa thuận này đã được các bên giao kết trong Hợp đồng và phù hợp với các quy định của pháp luật. Do đó chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng.

[7] Đối với yêu cầu của nguyên đơn: Nếu ông Bùi Văn L bà Nguyễn Thị H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP P được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc kê biên, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 183/2021/BĐ-CN ngày 11/05/2021. Yêu cầu này là phù hợp với hợp đồng thế chấp tài sản hai bên đã ký kết và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét tại chỗ, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ý kiến sẽ chịu toàn bộ chi phí này không yêu cầu tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[9] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, số tiền này bằng 17.488.000đ; Trả lại cho Ngân hàng TMCP P số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 275, Điều 280, Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 323; khoản 1 Điều 351, Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 BLTTDS; Điểm b khoản 1 điều 24, khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P (O). Buộc ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho Ngân hàng TMCP P (O) tổng số tiền là 349.763.850đ (Ba trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm năm mươi đồng), trong đó: Tiền nợ gốc trong hạn là 299.000.000đ, tiền nợ gốc quá hạn là

22.750.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 25.782.823 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 2.231.027 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử là ngày 25/9/2023.

Ông Bùi Văn L, bà Nguyễn Thị H1 phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh đối với khoản tiền dư nợ gốc kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử, ngày 25/9/2023 cho đến khi thanh toán hết số dư nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng số 183/2021/HĐTD-CN ngày 11/05/2021 đã ký kết giữa ngân hàng TMCP P với bà Nguyễn Thị H1 và ông Bùi Văn L.

2. Nếu ông Bùi Văn L bà Nguyễn Thị H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP P được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc kê biên, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 183/2021/BĐ-CN ngày 11/05/2021. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 343 tờ bản đồ số 8 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 647823, số vào sổ cấp GCN: CH 00430 do UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 05/10/2015. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Chủ sở hữu ông Bùi Văn L bà Nguyễn Thị H1.

3. Về án phí: Buộc ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.488.000đ (Mười bảy triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng). Trả lại cho Ngân hàng TMCP P (OCB) 8.381.600 đồng (Tám triệu ba trăm tám mươi một nghìn sáu trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0008095 ngày 03/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Bùi Thị Bích Thủy

Trần Thị Dân

Bùi Văn Tuấn